

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/DS-ST

Ngày: 06-12-2019.

V/v: “*Tranh chấp kiện đòi nợ do
mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Đào;
2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không tham gia phiên tòa.

Ngày 06/12/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 125/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp kiện đòi nợ do mua bán mua bán tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2019/QĐXXST-DS, ngày 15 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Th - sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Th, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Ông Bùi Thanh H - sinh năm 1979 (có mặt).

Bà Trần Tố Q - sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp V, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Th trình bày: Tôi có bán thức ăn nuôi tôm, tôm giống và thuốc nuôi thủy sản tại ấp Th, xã V nên bà Q, ông H mua tôm giống và thức ăn của tôi từ ngày 23/3/2017 âm lịch đến ngày 10/7/2017 âm lịch còn nợ của tôi số tiền 45.615.000 đồng. Tiếp đến ngày 23/10/2017 âm lịch ông H, bà Q mua 5 bao thức ăn với số tiền là 3.300.000 đồng. Ngày 06/12/2017 âm lịch mua thêm 5 bao thức ăn nữa với số tiền là 3.300.000 đồng. Tổng cộng từ ngày 23/3/2017 âm lịch đến ngày 06/12/2017 âm lịch ông H, bà Q còn nợ tôi

tổng số tiền 52.215.000 đồng và tôi có đòi nhiều lần nhưng ông H, bà Q không trả cho tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Q, ông H trả cho tôi số tiền còn nợ là 52.215.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể số tiền 45.615.000 đồng tính lãi từ ngày 10/7/2017 âm lịch cho đến ngày giải quyết xong vụ án và tính lãi số tiền 6.600.000 đồng từ ngày 06/12/2017 âm lịch đến ngày giải quyết xong vụ án. Tôi yêu cầu ông H, bà Q trả một lần là hết nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 08/3/2019 ông Bùi Thanh H trình bày: Tôi thừa nhận vợ chồng tôi có mua tôm giống và thức ăn nuôi tôm của bà Th từ ngày 23/3/2017 âm lịch đến ngày 06/12/2017 âm lịch thì vợ chồng tôi còn nợ bà Th số tiền 52.215.000 đồng là đúng. Đồng thời, tôi có gửi lại cho bà Th 02 bao thức ăn hết hạn giá mỗi bao là 660.000 đồng và 02 bịch men giá mỗi bịch là 400.000 đồng vào ngày 06/12/2017 âm lịch nhưng nay bà Th xác định không có nhận lại thì vợ chồng tôi cũng đồng ý trả 02 bao thức ăn và 02 bịch men này.

Nay vợ chồng tôi đồng ý trả cho bà Th số tiền còn nợ là 52.215.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật, cụ thể số tiền 45.615.000 đồng tính lãi từ ngày 10/7/2017 âm lịch cho đến ngày giải quyết xong vụ án và tính lãi số tiền 6.600.000 đồng từ ngày 06/12/2017 âm lịch đến ngày giải quyết xong vụ án. Bà Th yêu cầu vợ chồng tôi trả một lần là hết nợ trên thì vợ chồng tôi không có khả năng mà vợ chồng tôi xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Tại bản tự khai ngày 04/9/2019, bà Trần Tố Q trình bày: Tôi cũng đồng ý theo ý kiến của ông H chồng tôi nên ông H quyết định như thế nào thì bà thống nhất như vậy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Võ Thị Th với ông Bùi Thanh H và bà Trần Tố Q là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bà Trần Tố Q là đồng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về nội dung: Hai bên đương sự đã thừa nhận là vợ chồng ông H, bà Q có đến cửa hàng vật tư thủy sản của bà Th mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản về để nuôi tôm là đúng sự thật.

Đồng thời, vợ chồng ông H, bà Q thừa nhận có mua tôm giống, thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của bà Th về để nuôi tôm từ ngày 23/3/2017 âm lịch đến ngày 06/12/2017 âm lịch còn thiếu tổng số tiền là 52.215.000 đồng (năm mươi hai triệu hai trăm mười lăm nghìn đồng) chưa trả nhưng ông H, bà Q cam kết và hẹn trả nhiều lần mà không thực hiện, để kéo dài nay chưa thanh toán được nợ là vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 280 của Bộ luật dân sự năm 2015. Mặt khác, trong quá

trình giải quyết vụ án ông H, bà Q xin trả dần số tiền trên mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng yêu cầu này của ông H, bà Q không được bà Th chấp nhận nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Do đó, buộc ông H, bà Q phải trả số tiền còn thiếu cho bà Th là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về lãi suất:

Xét về yêu cầu tính lãi suất của bà Th thì HĐXX xét thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Th yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Đồng thời, ông H, bà Q cũng đồng ý tính lãi suất theo quy định của pháp luật trên tổng số tiền còn thiếu bà Th. Do đó, bà Th yêu cầu tính lãi suất là có căn cứ để HĐXX chấp nhận.

Do đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015: *“Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ”*.

Đối chiếu quy định trên thì lãi suất cho phép là 10%/năm : 12 tháng = 0,83%/tháng nên thời gian tính lãi suất như sau:

Đối với số tiền là 45.615.000 đồng tính từ ngày 10/7/2017 ãl (tức là ngày 31/8/2017) đến ngày xét xử 06/12/2019 là 27 tháng 07 ngày: $45.615.000đ \times 0,83\%/tháng \times 27 \text{ tháng } 07 \text{ ngày} = 10.310.662,6 \text{ đồng}$.

Đối với số tiền số tiền là 6.600.000 đồng tính từ ngày 06/12/2017 ãl (tức là ngày 22/01/2018) đến ngày xét xử 06/12/2019 là 22 tháng 15 ngày: $6.600.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 1.232.550 \text{ đồng}$.

Tổng cộng vốn và lãi: $52.215.000đ + 10.310.662,6đ + 1.232.550đ = 63.758.212,6 \text{ đồng}$ làm tròn 63.758.000đ (sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Do đó, buộc ông Bùi Thanh H, bà Trần Tố Q phải trả số tiền còn thiếu cho bà Võ Thị Th là tròn 63.758.000đ (sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí DSST có giá ngạch là: $63.758.000đ \times 5\% = 3.187.900 \text{ đồng}$ làm tròn 3.188.000đ (ba triệu một trăm tám mươi tám nghìn đồng) ông Bùi Thanh H, bà Trần Tố Q phải nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Yêu cầu của bà Võ Thị Th được Tòa án chấp nhận nên bà nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.305.000 đồng (một triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008773 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 11, Điều 280, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Th đối với bị đơn ông Bùi Thanh H, bà Trần Tổ Q.

Buộc ông Bùi Thanh H, bà Trần Tổ Q phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị Th số tiền là trọn 63.758.000đ (sáu mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Võ Thị Th cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng Bùi Thanh H, bà Trần Tổ Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DSST có giá ngạch là: 3.188.000đ (ba triệu một trăm tám mươi bảy tám đồng) ông Bùi Thanh H, bà Trần Tổ Q phải nộp do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ.

Bà Võ Thị Th được nhận lại số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 1.305.000 đồng (một triệu ba trăm lẻ năm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008773 ngày 12/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Th, ông Bùi Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 06/12/2019. Bà Trần Tổ Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Hoài Thanh